

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /2012/TT-BCA

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định về con dấu của các cơ quan tổ chức, chức danh nhà nước

Căn cứ Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 về quản lý và sử dụng con dấu (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 31/2009/NĐ-CP ngày 01/4/2009);

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về con dấu của các cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về mẫu con dấu, thời hạn sử dụng con dấu, nơi sản xuất con dấu của các cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 31/2009/NĐ-CP ngày 01/4/2009 (sau đây viết gọn là Nghị định số 58/2001/NĐ-CP).

2. Mẫu con dấu các cơ quan, tổ chức thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Công an nhân dân; Quân đội nhân dân; các tổ chức tôn giáo; Ban chỉ huy Quân sự các cấp; các cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Công an các đơn vị, địa phương.
2. Các cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước và các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sử dụng con dấu.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động làm con dấu, quản lý và sử dụng con dấu.

Chương II

MẪU CON DẤU

Điều 3. Chữ và biểu tượng trong con dấu

1. Chữ trong con dấu là chữ in hoa có đầy đủ dấu. Riêng chữ trong mẫu con dấu quy định tại các điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Thông tư này là chữ in hoa loại chữ có chân. Tên cơ quan, tổ chức trong con dấu phải theo đúng tên đã được ghi trong quyết định thành lập, đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập, hoạt động hoặc công nhận tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Loại con dấu ở vành ngoài phía trên có hàng chữ: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được viết tắt là Cộng hoà X.H.C.N Việt Nam; con dấu của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài được viết tắt là C.H.X.H.C.N Việt Nam, con dấu của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được viết tắt là H.Đ.N.D và U.B.N.D.

3. Tên của cơ quan, tổ chức bằng tiếng nước ngoài hoặc viết tắt có trong con dấu thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 07/2010/TT-BCA ngày 05/02/2010 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 31/2009/NĐ-CP ngày 01/4/2009 (Thông tư số 07/2010/TT-BCA).

Nội dung con dấu có nhiều chữ thì được viết tắt, nhưng phải dễ hiểu và phải được sự thống nhất giữa cơ quan, tổ chức dùng dấu và cơ quan Công an nơi đăng ký con dấu.

4. Biểu tượng của cơ quan, tổ chức có trong con dấu thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 07/2010/TT-BCA.

Điều 4. Hình thể, ngôi sao phân cách, địa danh thể hiện trong con dấu

1. Hình thể

a) Con dấu của các cơ quan, tổ chức quy định tại Thông tư này là hình tròn, mặt dấu được tạo bởi ba đường tròn đồng tâm theo thứ tự từ ngoài vào trong như sau: đường tròn thứ nhất nét đậm bằng 0,5mm; đường tròn thứ hai và đường tròn thứ ba nét nhỏ bằng 0,3mm. Con dấu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ thì đường tròn thứ nhất là hình răng cưa nét đậm bằng 0,8mm;

b) Khoảng cách giữa đường tròn thứ nhất và đường tròn thứ hai là 01mm; khoảng cách giữa đường tròn thứ hai và đường tròn thứ ba như sau:

- Loại con dấu có đường kính 38mm đến 42mm là 6mm;
- Loại con dấu có đường kính 35mm đến 37mm là 5mm;
- Loại con dấu có đường kính 30mm đến 34mm là 4mm.

c) Con dấu của các tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có hai đường tròn đồng tâm, đường tròn thứ nhất nét đậm bằng 0,5mm, đường tròn thứ hai nét nhỏ bằng 0,3mm. Khoảng cách giữa hai đường tròn là 4mm.

2. Ngôi sao phân cách

a) Đối với loại con dấu chỉ có một vành ngoài thì chính giữa phía dưới vành ngoài con dấu có một ngôi sao năm cánh;

b) Đối với loại con dấu có vành ngoài phía trên và vành ngoài phía dưới thì hai ngôi sao năm cánh đặt ở điểm giữa khoảng phân cách của vành ngoài phía trên và vành ngoài phía dưới con dấu.

3. Địa danh trong con dấu

Địa danh trong con dấu là nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở chính.

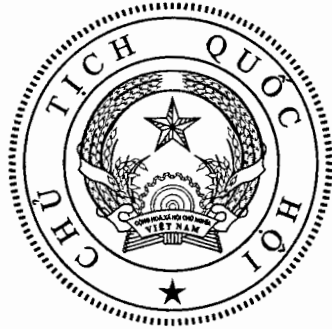
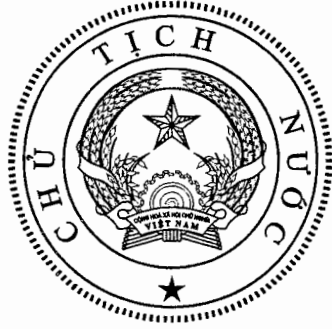
Điều 5. Mẫu con dấu có hình Quốc huy

1. Mẫu con dấu có hình Quốc huy thuộc cơ quan Trung ương

a) Con dấu Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

- Đường kính: 42mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan dùng dấu hoặc tên chức danh nhà nước;

- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 1

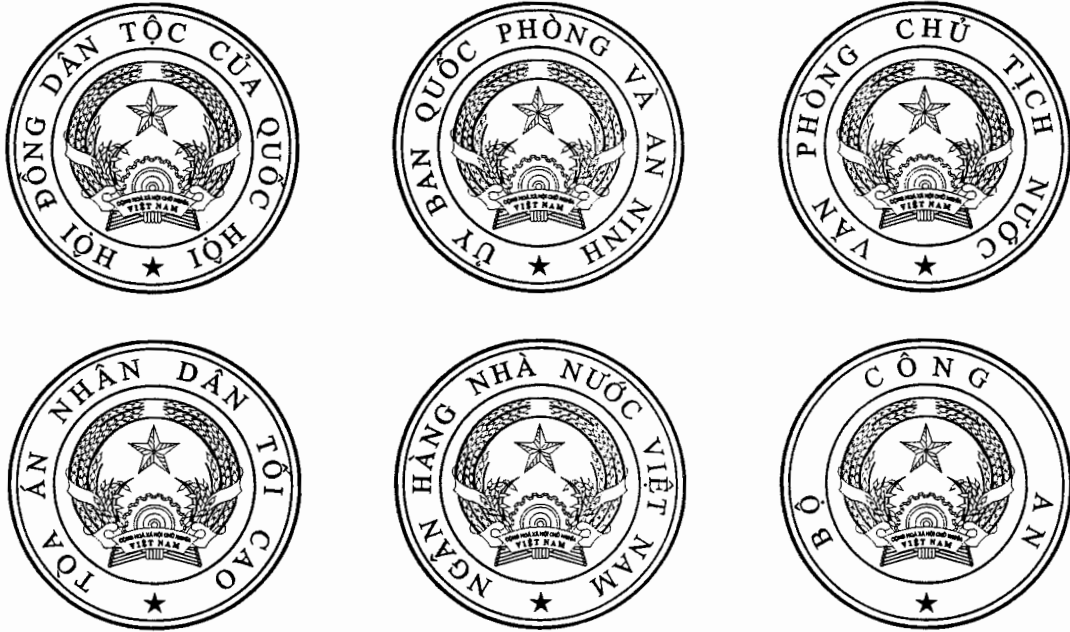
- b) Con dấu Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng
- Đường kính: 40mm;
 - Xung quanh vành ngoài con dấu: Chính phủ nước Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam hoặc Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
 - Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 2

- c) Con dấu Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng
- Đường kính: 38mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan dùng dấu;
- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 3

d) Con dấu Viện Kiểm sát quân sự Trung ương, Tòa án quân sự Trung ương, Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán, Lãnh sự quán, Phái đoàn đại diện thường trực của Việt Nam ở nước ngoài

- Đường kính: 37mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan dùng dấu;
- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.

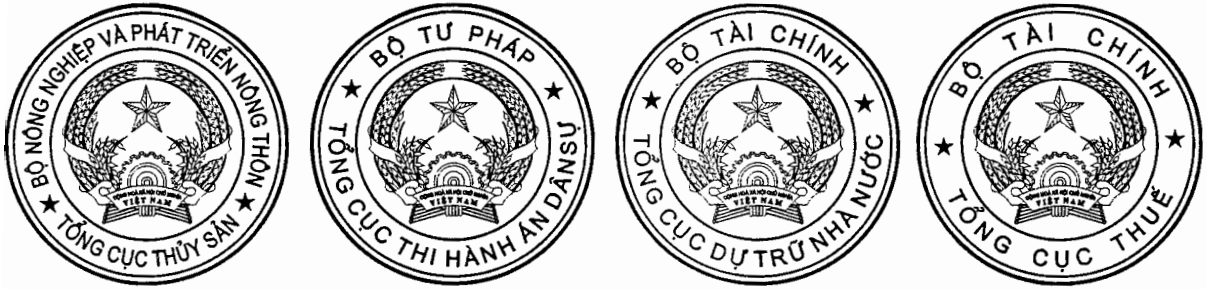


Mẫu số 4

đ) Con dấu Tổng cục trực thuộc Bộ

- Đường kính: 37mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên bộ, cơ quan ngang bộ;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu;

- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 5

e) Con dấu Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài, Viện Kiểm sát quân khu, Tòa án quân khu, Cục Thi hành án, Cục Thi hành án dân sự

- Đường kính: 36mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu;
- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 6

g) Con dấu Viện Kiểm sát quân sự khu vực, Tòa án quân sự khu vực, Phòng Thi hành án cấp quân khu, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện, Phòng Lãnh sự thuộc Đại sứ quán

- Đường kính: 35mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu;
- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 7

2. Mẫu con dấu có hình Quốc huy thuộc địa phương

a) Con dấu Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh

- Đường kính: 37mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan dùng dấu;
- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 8

b) Con dấu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện, Ban quản lý Khu công nghiệp, Ban quản lý Khu chế xuất, Ban quản lý Khu kinh tế

- Đường kính: 36mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan dùng dấu kèm theo tên cấp tỉnh;
- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 9

c) Con dấu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã

- Đường kính: 35mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan dùng dấu kèm theo tên cấp huyện, cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Hình Quốc huy.



Mẫu số 10

Điều 6. Mẫu con dấu cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp

1. Mẫu con dấu cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp thuộc cơ quan Trung ương

a) Con dấu cơ quan, tổ chức do Chính phủ quản lý

- Đường kính: 38mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan, tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 11

b) Con dấu cơ quan, tổ chức trực thuộc cơ quan, tổ chức do Chính phủ quản lý

- Đường kính 34mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan, tổ chức quản lý cấp trên;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan, tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 12

c) Con dấu cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Tổng cục trực thuộc bộ

- Đường kính: 36mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa dấu thì vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.



Mẫu số 13

d) Con dấu cơ quan chuyên môn trực thuộc cục

- Đường kính: 34mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa dấu thì vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.



Mẫu số 14

đ) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội

- Đường kính: 36mm

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan cấp trên quản lý. Đối với con dấu của các Trường ngoài công lập thì vành ngoài con dấu: Tên cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa dấu thì vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý cấp trên; vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 15

e) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc tổng cục, cục và tương đương

- Đường kính: 34mm;

- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan cấp trên của cơ quan quản lý trực tiếp;

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.





Mẫu số 16

g) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc cơ quan, đơn vị do tổng cục, cục và tương đương quản lý

- Đường kính: 32mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan cấp trên của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;
- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 17

2. Mẫu con dấu cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp thuộc địa phương

a) Con dấu cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Đường kính: 34mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa dấu thì vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.



Mẫu số 18

- b) Con dấu cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện
- Đường kính: 32mm;
 - Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;
 - Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh;
 - Giữa con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa dấu thì vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu kèm theo tên cấp tỉnh.



Mẫu số 19

- c) Con dấu cơ quan chuyên môn trực thuộc cơ quan chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý

- Đường kính: 32mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan dùng dấu.

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa dấu thì vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan dùng dấu kèm theo tên cấp tỉnh.



Mẫu số 20

- d) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Đường kính: 34mm;
 - Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 21

đ) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Đường kính: 32mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 22

e) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp cấp tỉnh

- Đường kính: 32mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan, tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp; đối với con dấu của các trường ngoài công lập thì vành ngoài con dấu: Tên cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



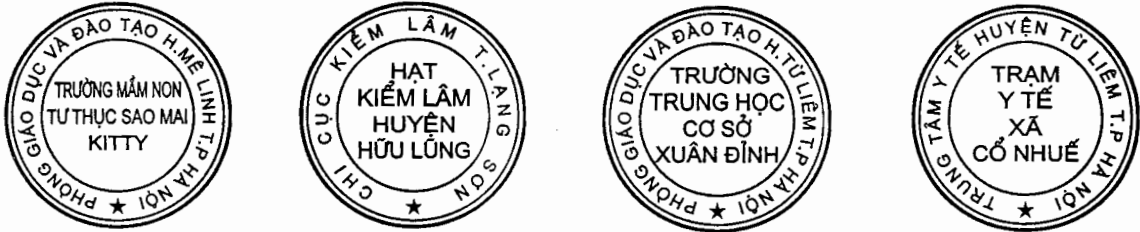
Mẫu số 23

g) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp cấp huyện

- Đường kính: 30mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; đối với con dấu của các trường ngoài công lập thì vành ngoài con dấu: Tên cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



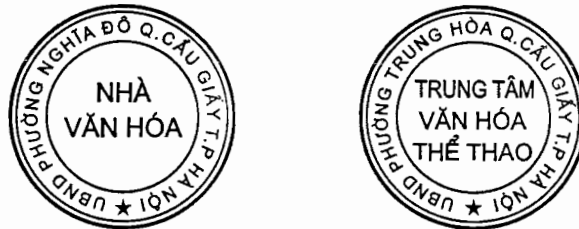
Mẫu số 24

h) Con dấu tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

- Đường kính: 30mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo tên cấp huyện, cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 25

Điều 7. Mẫu con dấu các cơ quan, tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

- Đường kính: 36mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp kèm theo tên quốc gia;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan, tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 26

Điều 8. Mẫu con dấu tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)

1. Mẫu con dấu tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương

a) Con dấu tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương

- Đường kính: 38mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức chính trị - xã hội;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức.

Riêng con dấu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có đường kính 40mm. Vành ngoài phía trên con dấu: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Vành ngoài phía dưới con dấu: Ủy ban Trung ương. Giữa con dấu: Hình biểu tượng.



Mẫu số 27

b) Con dấu cơ quan, tổ chức trực thuộc tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương

- Đường kính: 34mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan, tổ chức dùng dấu.

Riêng con dấu cơ quan, tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có đường kính 37mm. Xung quanh vành ngoài con dấu: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Giữa con dấu: Tên cơ quan, tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 28

c) Con dấu tổ chức trực thuộc hai cấp quản lý

- Đường kính: 32mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên tổ chức chính trị - xã hội cấp trên;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp;
- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 29

2. Mẫu con dấu tổ chức chính trị - xã hội thuộc địa phương

a) Con dấu tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Đường kính: 34mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất kèm theo tên tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Riêng con dấu của Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh có đường kính 37mm. Vành ngoài phía trên con dấu: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Vành ngoài phía dưới con dấu: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh. Giữa con dấu: Hình biểu tượng.



Mẫu số 30

b) Con dấu cơ quan, tổ chức trực thuộc tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Đường kính: 32mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan, tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 31

c) Con dấu tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện

- Đường kính: 32mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất kèm theo tên tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

Riêng con dấu của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện có đường kính 36mm. Vành ngoài phía trên con dấu: Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh. Vành ngoài phía dưới con dấu: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện. Giữa con dấu: Hình biểu tượng.



Mẫu số 32

d) Con dấu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

- Đường kính: 30mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất kèm theo tên tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Riêng con dấu của Mặt trận Tổ quốc cấp xã có đường kính 35mm. Vành ngoài phía trên con dấu: Mặt trận Tổ quốc cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh. Vành ngoài phía dưới con dấu: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã. Giữa con dấu: Hình biểu tượng.



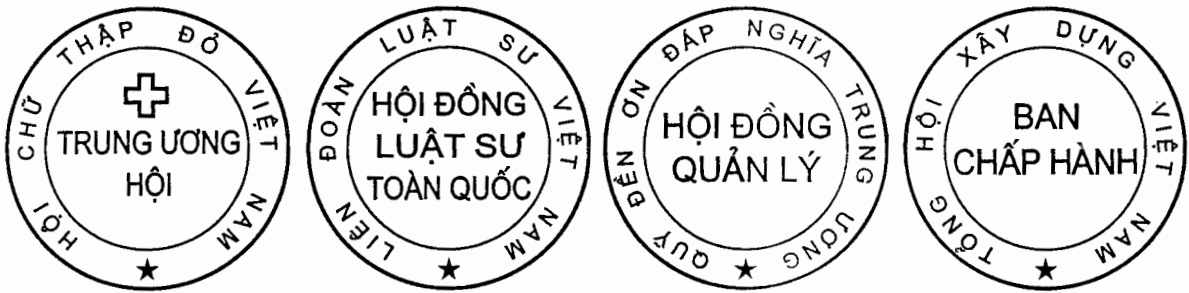
Mẫu số 33

Điều 9. Mẫu con dấu tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ.

1. Mẫu con dấu tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh

a) Con dấu tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh

- Đường kính: 37mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức.



Mẫu số 34

b) Con dấu tổ chức trực thuộc tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh

- Đường kính: 34mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;
- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 35

c) Con dấu tổ chức trực thuộc hai cấp quản lý

- Đường kính: 32mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 36

2. Mẫu con dấu tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ thuộc địa phương

a) Con dấu tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc liên huyện

- Đường kính: 34mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức.



Mẫu số 37

b) Con dấu tổ chức trực thuộc tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc liên huyện

- Đường kính: 32mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;
- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 38

c) Con dấu tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

- Đường kính: 32mm;

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ kèm theo tên tỉnh;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức.



Mẫu số 39

d) Con dấu tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn

- Đường kính: 30mm;
- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ kèm theo tên huyện, tên tỉnh;
- Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức.



Mẫu số 40

Điều 10. Mẫu con dấu tổ chức kinh tế

1. Mẫu con dấu doanh nghiệp hoạt động độc lập

- Đường kính: 36mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Mã số doanh nghiệp (M.S.D.N), số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (S.Đ.K.K.D), số giấy phép thành lập, hoạt động (S.G.P), số giấy chứng nhận đầu tư (S.G.C.N)..... (số thực), sau đây số thực là loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp đầu tư 100% vốn nước ngoài (Đ.T.N.NG), doanh nghiệp liên doanh nước ngoài (L.D.N.NG), công ty cổ phần (C.T.C.P), công ty trách nhiệm hữu hạn (C.T.T.N.H.H), doanh nghiệp tư nhân (D.N.T.N), công ty hợp doanh (C.T.H.D), hợp tác xã (H.T.X), liên hiệp hợp tác xã (L.H.H.T.X);
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính;
- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.

a) Con dấu doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp



Mẫu số 41

b) Con dấu doanh nghiệp hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm



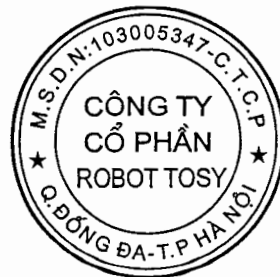
Mẫu số 42

c) Con dấu doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư



Mẫu số 43

d) Con dấu doanh nghiệp hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ



Mẫu số 44

đ) Con dấu tổ chức kinh tế hoạt động theo Luật Hợp tác xã



Mẫu số 45

e) Con dấu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng



Mẫu số 46

2. Mẫu con dấu tổ chức kinh tế hoạt động phụ thuộc

- Đường kính: 34mm;

- Vành ngoài phía trên con dấu: Số giấy phép (S.G.P), mã số chi nhánh (M.S.C.N), mã số văn phòng đại diện (M.S.V.P.Đ.D), số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (S.Đ.K.H.Đ)... (số thực), sau dãy số thực là loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp đầu tư 100% vốn nước ngoài (Đ.T.N. NG), doanh nghiệp liên doanh nước ngoài (L.D.N. NG), công ty cổ phần (C.T.C.P), công ty trách nhiệm hữu hạn (C.T.T.N.H.H), doanh nghiệp tư nhân (D.N.T.N), công ty hợp doanh (C.T.H.D), hợp tác xã (H.T.X), liên hiệp hợp tác xã (L.H.H.T.X);

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu kèm theo tên cơ quan, tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp.

a) Con dấu chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Luật Doanh nghiệp



Mẫu số 47

b) Con dấu chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm



Mẫu số 48

c) Con dấu chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Luật Đầu tư



Mẫu số 49

d) Con dấu chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Luật Hợp tác xã



Mẫu số 50

đ) Con dấu chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng



Mẫu số 51

3. Mẫu con dấu các phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm và các đơn vị trực thuộc chi nhánh hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp

a) Đường kính: 32mm;

b) Vành ngoài phía trên con dấu: Mã địa điểm kinh doanh (M.Đ.Đ.K.D)... (số thực), sau đây số thực là loại hình doanh nghiệp (khắc tắt);

c) Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính;

d) Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu kèm theo tên tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp.



Mẫu số 52

4. Mẫu con dấu tổ chức hoạt động theo Luật Công chứng, Luật Luật sư

- Vành ngoài phía trên con dấu: Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (S.Đ.K.H.Đ)... (số thực), sau đây số thực là loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn (C.T.T.N.H.H), doanh nghiệp tư nhân (D.N.T.N), công ty hợp doanh (C.T.H.D);

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp huyện kèm theo tên cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.

a) Con dấu văn phòng công chứng, văn phòng luật sư, công ty luật có đường kính 36mm



Mẫu số 53

b) Con dấu chi nhánh văn phòng luật sư, chi nhánh công ty luật có đường kính 34mm



Mẫu số 54

5. Mẫu con dấu tổ chức sự nghiệp thuộc tổ chức kinh tế có đường kính 34mm.

a) Con dấu tổ chức trực thuộc tổ chức kinh tế một cấp quản lý

- Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan, tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 55

b) Con dấu tổ chức trực thuộc tổ chức kinh tế hai cấp quản lý

- Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp;

- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 56

Điều 11. Mẫu con dấu các tổ chức tư nhân được cấp có thẩm quyền thành lập và cho phép sử dụng con dấu

- Đường kính: 30mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Loại hình hoạt động của tổ chức;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp huyện kèm theo cấp tỉnh;
- Giữa con dấu: Tên tổ chức dùng dấu.



Mẫu số 57

Điều 12. Mẫu con dấu thứ hai, con dấu nổi, con dấu xi, dấu thu nhỏ

1. Con dấu thứ hai, con dấu nổi, con dấu xi: Kích thước và nội dung giống như con dấu thứ nhất.
2. Con dấu thu nhỏ: Nội dung giống như con dấu thứ nhất, riêng về kích thước theo đề nghị của cơ quan, tổ chức dùng dấu.

Điều 13. Mẫu con dấu của các cơ quan, tổ chức nước ngoài đề nghị mang con dấu vào Việt Nam để sử dụng

Các cơ quan, tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao đề nghị mang con dấu vào Việt Nam để sử dụng thì con dấu phải theo mẫu trong đơn đề nghị của cơ quan, tổ chức nước ngoài.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Thời hạn sử dụng con dấu

1. Con dấu của các cơ quan, tổ chức sử dụng trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày con dấu có giá trị sử dụng được ghi trên Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp. Hết thời hạn trên, cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu phải đăng ký lại mẫu dấu tại cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu.
2. Trong thời hạn 05 (năm) năm, con dấu của các cơ quan, tổ chức bị mòn, méo, biến dạng, hỏng, mất hoặc có thay đổi tên, trụ sở, mô hình tổ chức thì cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền làm thủ tục đổi, cấp lại con dấu.

Điều 15. Nơi sản xuất con dấu

Con dấu của các cơ quan, tổ chức quy định tại Thông tư này phải làm tại các cơ sở sản xuất con dấu đã được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự. Riêng loại con dấu có hình Quốc huy phải làm tại cơ sở sản xuất con dấu được Bộ Công an cho phép.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức hội quần chúng, tổ chức phi chính phủ ở Trung ương, theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu thuộc mình quản lý thực hiện các quy định tại Thông tư này. Việc quản lý, sử dụng con dấu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BCA.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2012 và thay thế Thông tư số 08/2003/TT-BCA ngày 12/5/2003 của Bộ Công an hướng dẫn mẫu dấu, tổ chức khắc dấu, kiểm tra việc bảo quản, sử dụng con dấu của các cơ quan, tổ chức theo Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 về quản lý và sử dụng con dấu.

2. Con dấu các cơ quan, tổ chức đã giải quyết theo quy định tại Thông tư số 08/2003/TT-BCA ngày 12/5/2003 của Bộ Công an không trái với quy định tại Thông tư này vẫn có giá trị sử dụng.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội có trách nhiệm chỉ đạo Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này; hướng dẫn mẫu dấu cho các cơ quan, tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền thành lập và cho phép sử dụng con dấu.

2. Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương rà soát, thống kê các cơ quan, tổ chức trong diện phải đổi lại con dấu và có kế hoạch tổ chức thực hiện. Định kỳ hàng quý phải báo cáo kết quả công tác quản lý con dấu theo mẫu quy định của Bộ Công an qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội (Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội).

3. Các đồng chí Tổng cục trưởng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc nảy sinh, Công an các đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan cần phản ánh về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội) để có hướng dẫn kịp thời.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Tổng cục, đơn vị thuộc Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Cảnh sát PCCC;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ tư pháp
- Công báo nội bộ;
- Lưu: VT, V19, C64.

BỘ TRƯỞNG



Thượng tướng Trần Đại Quang